FireAnt

CTCP Năng lượng và Bất động sản Trường Thành (HSX: TEG)

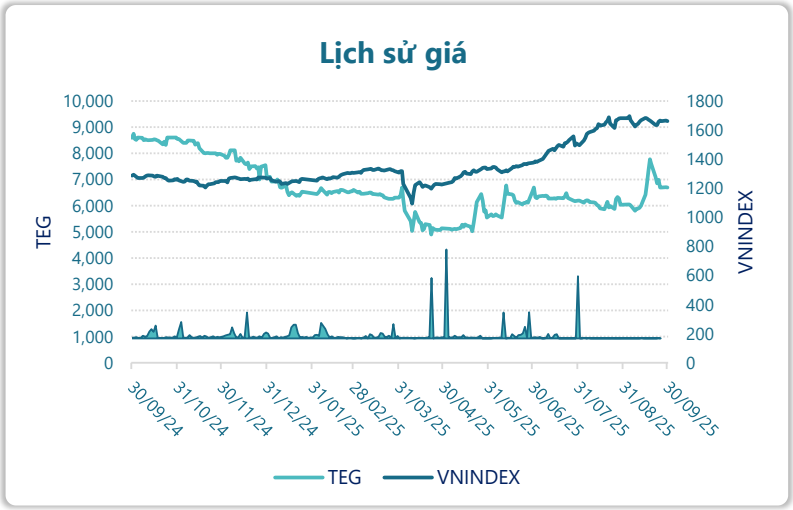

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,900
SL cổ phiếu LH	120,806,562
KLGD BQ 20 phiên (CP)	214,245
% sở hữu nước ngoài	5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	809
P/E	74.1
EPS	90

DT thuần

Q3/25

15.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.30| 2.3%

YoY: ▼97.9| -86.6%

LN sau thuế

Q3/25

4.05

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.37| 141%

YoY: ▲ 2.57| 174%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

40.8%

+/- YoY: ▲ 37.6%

DT thuần

9T 2025

40.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼250| -86.2%

LN sau thuế

9T 2025

9.92

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.65| 133%

ROE

Q3/25

0.7%

+/- YoY: ▼ 0.4%

Kết quả kinh doanh

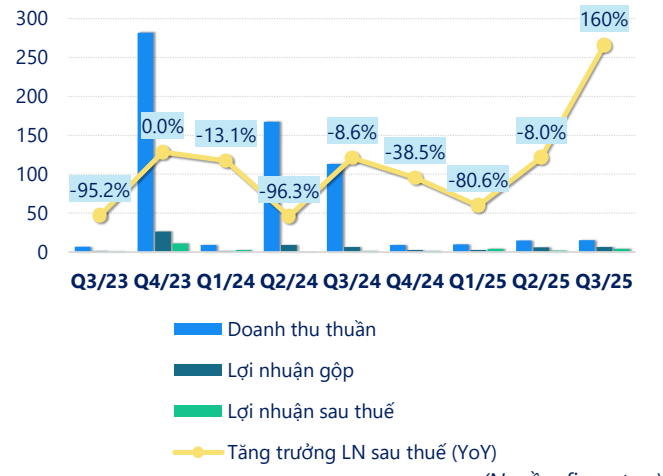

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

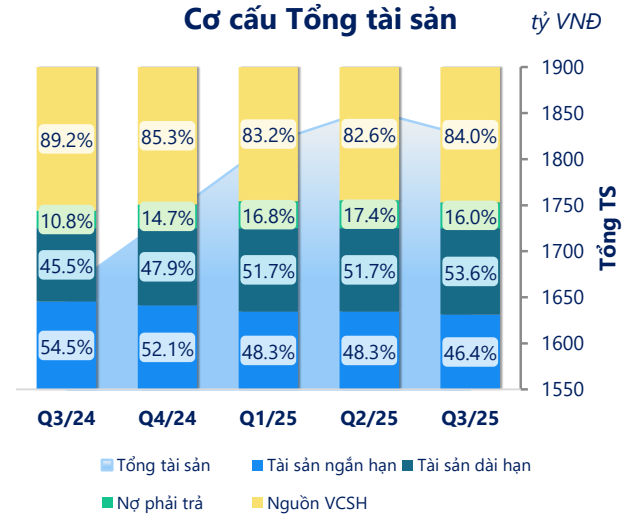

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

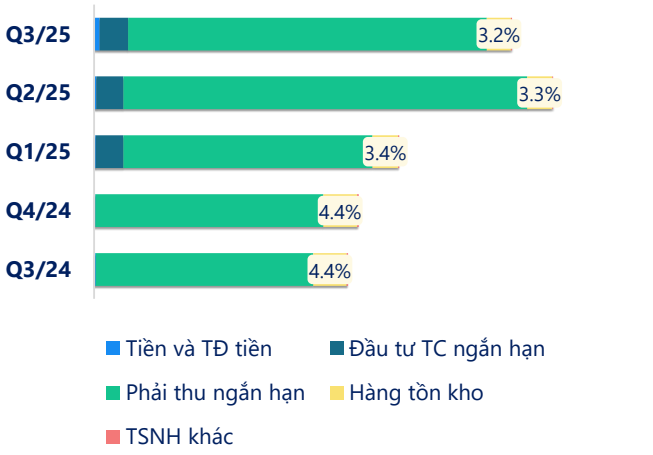

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

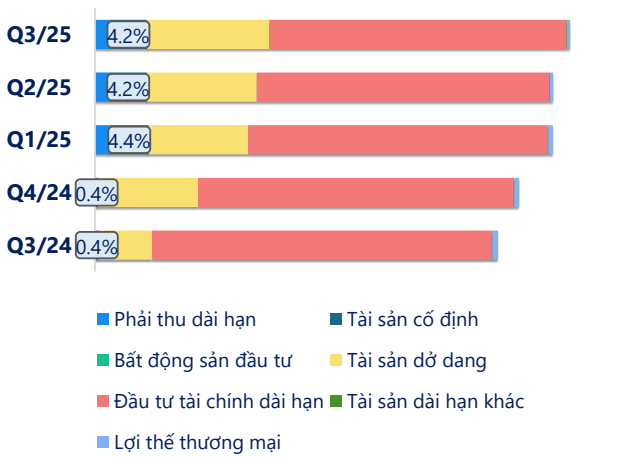

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

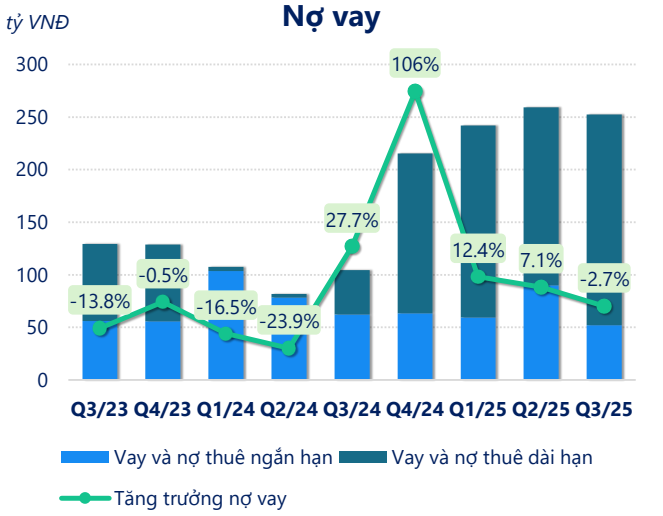

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

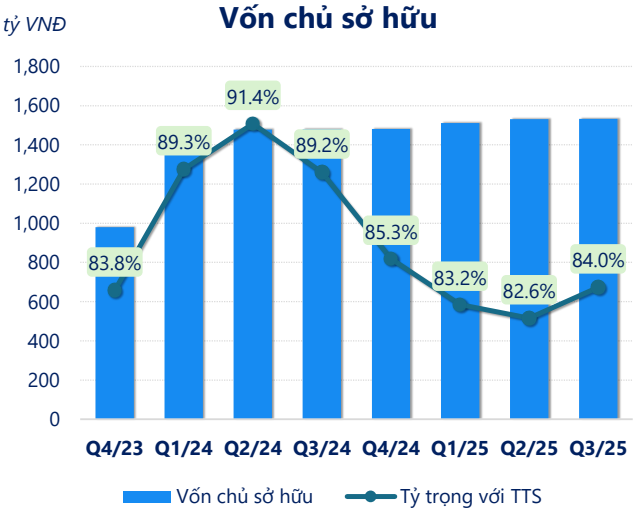

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

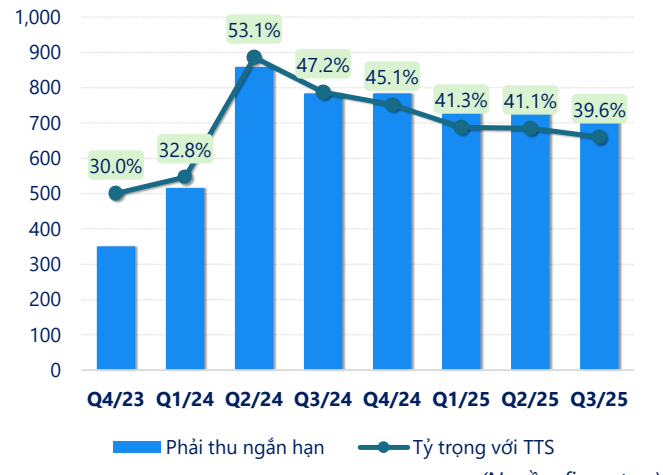

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

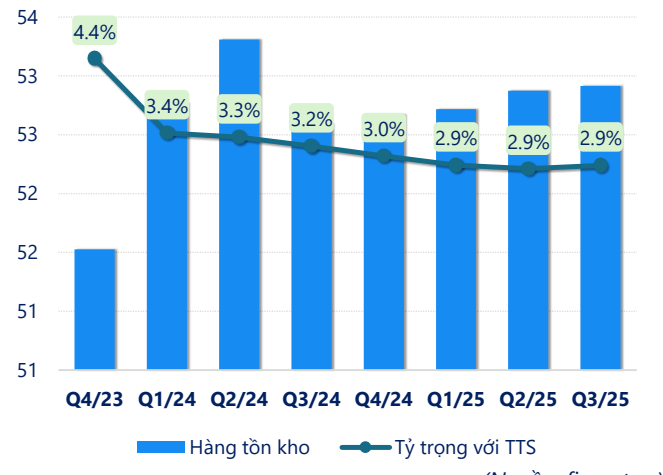

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

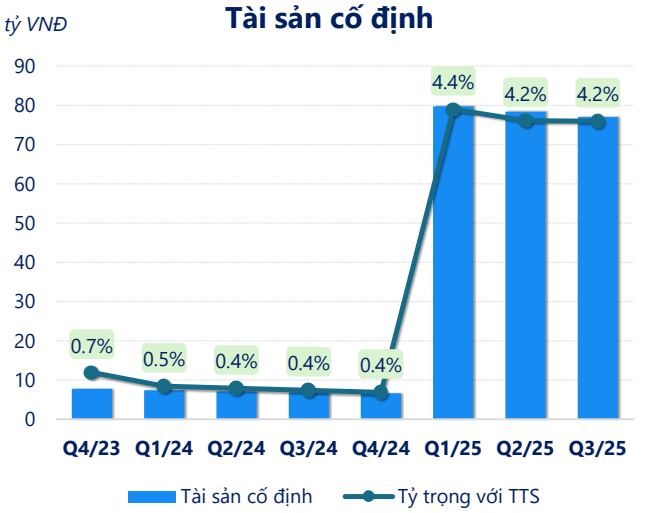

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

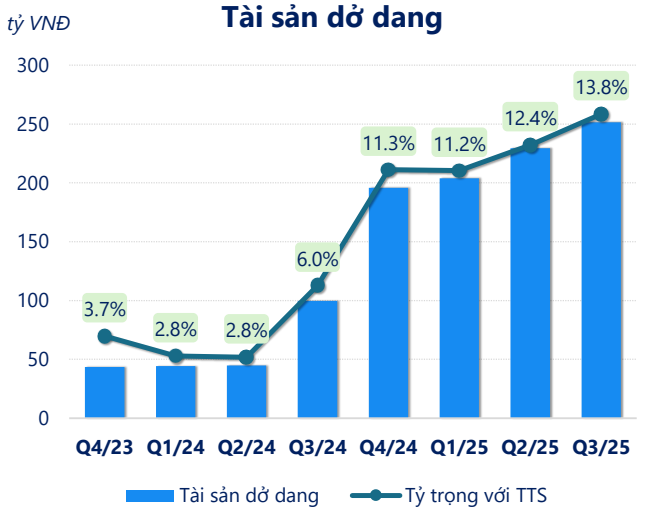

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

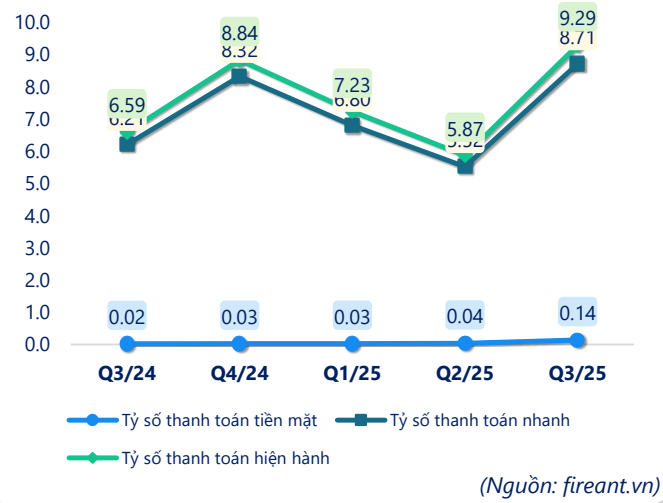

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

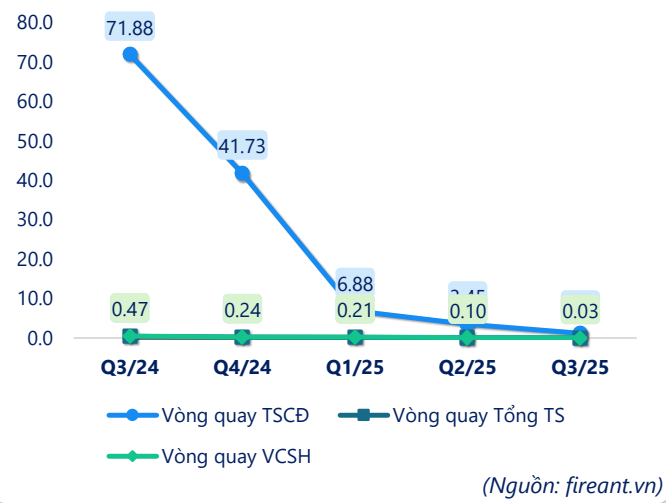

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,659**	**1,737**	**1,817**	**1,853**	**1,824**
Tài sản ngắn hạn	**904**	**905**	**879**	**895**	**846**
Tiền và tương đương tiền	3.23	2.94	3.56	5.69	12.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	62.7	62.7	64.1	64.8	47.1
Phải thu ngắn hạn	784	784	750	762	722
Hàng tồn kho	52.6	52.7	52.7	52.9	52.9
Tài sản ngắn hạn khác	2.19	3.19	8.53	9.99	11.2
Tài sản dài hạn	**755**	**832**	**939**	**958**	**978**
Phải thu dài hạn	0	0.00	30.4	30.4	30.4
Tài sản cố định	6.83	6.60	79.8	78.4	77.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	99.8	196	204	229	251
Đầu tư tài chính dài hạn	636	618	614	612	612
Tài sản dài hạn khác	1.57	1.50	1.40	1.31	1.19
Lợi thế thương mại	10.4	9.61	8.78	6.55	5.87
Nợ phải trả	**179**	**256**	**305**	**323**	**292**
Nợ ngắn hạn	**137**	**102**	**121**	**153**	**91.1**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	62.3	63.4	59.3	89.9	52.0
Phải trả người bán ngắn hạn	32.6	8.02	30.1	29.7	7.49
Nợ dài hạn	42.1	153	184	170	201
Vay và nợ thuê dài hạn	42.1	152	183	169	200
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,480**	**1,481**	**1,512**	**1,530**	**1,532**
Vốn chủ sở hữu	**1,480**	**1,481**	**1,512**	**1,530**	**1,532**
Vốn điều lệ	1,208	1,208	1,208	1,208	1,208
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)